

Số: 159/2025/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 29 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; số 116/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2025 quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 về quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét Tờ trình số 557/TTr-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định mức hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Văn bản số 342/HĐND-KTNS ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với việc xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật; Báo cáo thẩm tra số 505/BC-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội

đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điểm a, b, d khoản 3 Điều 12 Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bị thiệt hại do dịch bệnh động vật; cá nhân tham gia khắc phục dịch bệnh động vật; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng, nội dung và mức hỗ trợ

1. Đối tượng hỗ trợ

a) Cơ sở sản xuất là cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân (không bao gồm các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang nhân dân) có hoạt động chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (sau đây gọi là cơ sở sản xuất) bị thiệt hại do dịch bệnh động vật.

b) Người trực tiếp tham gia nhiệm vụ phòng, chống một hoặc một số bệnh động vật theo phân công, huy động của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền trên cơ sở tính chất, quy mô dịch bệnh để thực hiện một hoặc một số hoạt động sau đây:

- Thống kê; xác nhận thiệt hại do dịch bệnh động vật;
- Xử lý ổ dịch; lấy mẫu; mổ khám, chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật; điều tra, xác minh dịch bệnh động vật; bắt, giữ, vận chuyển, tiêu huỷ động vật, sản phẩm động vật;
- Tiêm phòng, vệ sinh, tiêu độc, khử trùng để phòng, chống dịch bệnh động vật;
- Trục tử, chôn, trạm để kiểm soát dịch bệnh động vật.

2. Nội dung, mức hỗ trợ đối với cơ sở sản xuất động vật trên cạn

a) Trâu, bò, ngựa, dê: 50.000 đồng/kg hơi.

- b) Cừu, hươu sao: 55.000 đồng/kg hơi.
- c) Lợn: 40.000 đồng/kg hơi.
- d) Gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu: 35.000 đồng/kg hơi.
- đ) Chim cú: 20.000 đồng/kg hơi.
- e) Đà điểu: 50.000 đồng/kg hơi.
- g) Trứng gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu, chim cú, đà điểu): 20.000 đồng/kg.

3. Nội dung, mức hỗ trợ đối với cơ sở sản xuất động vật thủy sản

- a) Tôm hùm giống: 10.000 đồng/con.
- b) Tôm giống (tôm thẻ chân trắng, tôm sú) từ giai đoạn hậu ấu trùng Postlarvae 12 trở lên: 10.000.000 đồng/01 triệu con.
- c) Cá giống (cá biển, cá tra, cá truyền thống, cá rô phi, cá nước lạnh): 10.000 đồng/kg.
- d) Diện tích nuôi tôm sú quảng canh (nuôi tôm lúa, tôm sinh thái, tôm rừng, tôm kết hợp): 9.000.000 đồng/ha.
- đ) Diện tích nuôi tôm sú (bán thâm canh, thâm canh): 12.000.000 đồng/ha.
- e) Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng: 20.000.000 đồng/ha (mật độ nuôi từ 50 - 100 con/m²); 30.000.000 đồng/ha (mật độ nuôi từ trên 100 - 250 con/m²); 50.000.000 đồng/ha (mật độ nuôi từ trên 250 con/m²).
- g) Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa: 10.000.000 đồng/ha.
- h) Diện tích nuôi cá tra thâm canh: 50.000.000 đồng/ha.
- i) Diện tích nuôi cá rô phi thâm canh: 30.000.000 đồng/ha.
- k) Cá nước lạnh (tầm, hồi) nuôi thâm canh: 20.000 đồng/kg.
- l) Thủy sản nước ngọt nuôi lồng, bè: 5.000 đồng/kg.
- m) Hải sản nuôi lồng, bè: 10.000 đồng/kg.
- n) Diện tích nuôi ngao (nghêu) bãi triều: 15.000.000 đồng/ha.

4. Mức hỗ trợ đối với người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật

- a) Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trong thời gian được huy động tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật được hỗ trợ: 400.000 đồng/người/ngày đối với ngày làm việc; 500.000 đồng/người/ngày đối với ngày nghỉ, ngày lễ, tết.

b) Người hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trong thời gian được phân công, huy động tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật được hỗ trợ: 150.000 đồng/người/ngày đối với ngày làm việc; 300.000 đồng/người/ngày đối với ngày nghỉ, ngày lễ, tết.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật:

1. Đối với nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng (trừ quy định tại điểm d khoản 3 Điều 8 Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ và nuôi ngao (nghêu) bãi triều): ngân sách trung ương hỗ trợ 80%; 20% kinh phí còn lại năm 2025 sử dụng từ nguồn ngân sách cấp tỉnh và nguồn tài chính hợp pháp khác. Từ năm 2026, ngân sách trung ương hỗ trợ 80%; ngân sách địa phương hỗ trợ 20% (trong đó: ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 70%; ngân sách cấp xã hỗ trợ 30%). Trường hợp ngân sách cấp xã không đảm bảo được nguồn kinh phí thì Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Đối với nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ nuôi ngao (nghêu) bãi triều: sử dụng ngân sách cấp tỉnh và nguồn tài chính hợp pháp khác.

3. Đối với người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật được hưởng lương từ ngân sách nhà nước: các cơ quan, đơn vị phân công, huy động người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật sử dụng dự toán được cấp có thẩm quyền giao để hỗ trợ người của cơ quan, đơn vị mình tham gia khắc phục dịch bệnh động vật.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 29 tháng 10 năm 2025.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật và khoản 5 Điều 18 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

5. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định mới được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 32 thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý XLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr: Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm CB-TH, Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ4, TH1.



CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Lĩnh